

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ - Ước thực hiện năm 2021**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên bộ Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ - Ước thực hiện năm 2021, cụ thể như sau:

#### **I. Đánh giá chung**

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nội vụ tiếp tục triển khai, hướng dẫn để thực hiện chế độ tự chủ đối với tất cả các đơn vị quản lý hành chính trên địa bàn. Thời điểm cuối năm 2021, có 41 cơ quan cấp tỉnh, 162 cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Từ kết quả thực hiện năm 2021, cho thấy cơ chế tự chủ đối với kinh phí quản lý hành chính có những tác động tích cực nhất định đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, chất lượng và hiệu quả công việc, thời gian xử lý được rút ngắn và quy trình giải quyết công việc được tuân thủ tốt hơn thông qua việc tiết kiệm kinh phí hoạt động theo định mức để chi thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả hoàn thành nhiệm vụ trong năm của cán bộ, công chức. Các cơ quan đã phát huy tốt quyền chủ động trong sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đã thúc đẩy tinh

gọn bộ máy, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động và kinh phí quản lý hành chính được giao.

Năm 2021, tổng biên chế hành chính và Nghị định 68/2000/NĐ-CP của tỉnh (gồm cấp tỉnh và cấp huyện) là 1.648 biên chế, năm 2020 là 1.686 biên chế, nên so với năm trước thì năm 2021 HĐND tỉnh giao biên chế giảm 38 biên chế, tương ứng tiết kiệm chi quản lý hành chính được từ giảm biên chế khoảng 3.099 triệu đồng.

Các cơ quan hành chính đã thực hiện chuyển, phát hành văn bản thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, các ứng dụng giao dịch thông qua mạng internet đã góp phần nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, cước phí bưu chính.

Việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng và ban hành thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính trong việc quản lý và sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đã tạo điều kiện cho cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia và giám sát việc thực hiện theo quy định của nhà nước.

Qua thực tế thực hiện quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, các cơ quan nhà nước ở tỉnh Vĩnh Long đã đạt được nhiều điểm tích cực như tích cực làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên có một số điểm hạn chế, khó khăn về kinh phí mà các cơ quan gặp phải trong năm. Năm 2021 định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính thực hiện tự chủ của các cơ quan cấp tỉnh khoảng 20 – 22 triệu/biên chế/năm; cấp huyện, thị, thành phố khoảng 18 – 19 triệu đồng/biên chế/năm, nhưng so với các tỉnh lân cận và cả nước thì rất thấp.

Đồng thời trong giai đoạn ổn định ngân sách, nhiều quy định về chế độ chi tiêu mới được ban hành, trong đó các mức chi có tăng thêm như chế độ công tác phí, hội nghị và giá cả văn phòng phẩm, xăng dầu, điện nước tăng đã có ảnh hưởng đến việc tiết kiệm kinh phí tự chủ của các đơn vị, từ đó dẫn đến kinh phí tiết kiệm được hàng năm không nhiều (38 cơ quan không có tiết kiệm, nhiều cơ quan có tiết kiệm nhưng số kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được không nhiều).

## **II. Đánh giá cụ thể**

### **1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ**

- Cơ quan cấp tỉnh:

- + Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: 41 đơn vị.
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 41 đơn vị.
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 41 đơn vị.

- Cơ quan cấp huyện:

- + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện: 162 đơn vị.
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 162 đơn vị.

+ Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 162 đơn vị.

- Cấp xã:

+ Số lượng xã: 109 đơn vị.

+ Số đã được giao thực hiện tự chủ: 0 đơn vị.

+ Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 0 đơn vị.

## 2. Về kinh phí

a) Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số): 546.492 triệu đồng.

*Trong đó:* Kinh phí thực hiện tự chủ: **340.670** triệu đồng.

- Số kinh phí thực hiện: **316.999** triệu đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được: **23.671** triệu đồng;

+ Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao): **9.681** triệu đồng.

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): **13.990** triệu đồng.

\* *Phân tích nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:*

+ *Do tiết kiệm biên chế:* **237** biên chế.

+ *Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...*

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm kinh phí: có 165 đơn vị có tiết kiệm.

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: **6,9 %**.

\* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: **205.822** triệu đồng.

- Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính:

Nhìn chung, các đơn vị được giao thực hiện tự chủ chấp hành tốt chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước theo quy định, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính được giao.

b) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

Có **165** đơn vị có chi trả thu nhập tăng thêm, trong đó:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần: **46** đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần: **48** đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần: **50** đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần: **20** đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần: **1** đơn vị

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là: **3.600.000** đồng/tháng (Cơ quan thuộc huyện **Long Hồ**).

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là: **55.000 đồng/tháng** (Cơ quan thuộc huyện **Mãng Thít**).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

+ **Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 146 triệu đồng.**

+ **Chi khen thưởng: 194 triệu đồng.**

+ **Chi phúc lợi: 810 triệu đồng.**

+ **Các khoản chi khác: 8 triệu đồng.**

- **Chi thu nhập tăng thêm: 12.647 triệu đồng.**

### **3. Các biện pháp thực hiện tiết kiệm**

Các cơ quan nhà nước tùy đặc điểm hoạt động của cơ quan trong **năm 2021** đã xây dựng và triển khai nhiều biện pháp thực hành tiết kiệm kinh phí quản lý hành chính được giao. Các biện pháp chủ yếu được áp dụng gồm:

- Tiết kiệm biên chế so với tổng số biên chế được giao theo hướng tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các cơ quan chú trọng nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, cải tiến quy trình làm việc để nâng cao hiệu suất lao động của các cán bộ, công chức hiện có. Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức là cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm theo quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan.

- Tiết kiệm trong chi hoạt động thường xuyên, quy định nội dung thực hành tiết kiệm trong quy chế chi tiêu nội bộ về việc sử dụng kinh phí và tài sản của đơn vị. Các hình thức tiết kiệm được các cơ quan áp dụng chủ yếu: khoán công tác phí đối với đi công tác lưu động thường xuyên hàng tháng, khoán văn phòng phẩm; vận hành trang thiết bị làm việc đúng quy trình và bảo dưỡng thường xuyên để tiết kiệm điện năng, tránh tổn chi phí do hỏng hóc phải sửa chữa; sử dụng tiết kiệm và không sử dụng điện, nước, điện thoại cơ quan vào việc riêng; chỉ đặt mua báo chuyên ngành và các loại báo cần thiết; công văn đến đã chuyển dần sang hình thức kèm tập tin (File) và chuyển trên mạng máy tính, hạn chế photo; các văn bản pháp luật của Trung ương, của Chính phủ và của Tỉnh khi cần chỉ tra cứu xem trên máy tính, hạn chế tối đa việc in ra giấy; hạn chế tổ chức hội họp, hội nghị kết hợp nhiều nội dung, hạn chế số lần hội nghị.

- Tỉnh triển khai thực hiện biện pháp tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại để bổ sung nguồn phòng, chống dịch COVID-19, số tiền **15.382 triệu đồng**.

### **4. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị**

#### **a) Những khó khăn tồn tại**

- Trong năm 2021, thực hiện lộ trình tinh giản biên chế nên một số cơ quan có gặp khó khăn do trong điều kiện nhiệm vụ được giao nhiều, phải nâng

cao chất lượng và rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Tiền lương của công chức còn thấp chưa đảm bảo đời sống cho công chức.

- Đồng thời trong năm chế độ chi tiêu hội nghị, công tác phí và giá cả hàng hóa dịch vụ tăng nên nhiều đơn vị gặp khó khăn về kinh phí, kinh phí tiết kiệm rất ít, không chi trả thu nhập tăng thêm được cho cán bộ, công chức để khuyến khích động viên (có 57 đơn vị không chi thu nhập tăng thêm).

- Một số cơ quan có trang thiết bị, trụ sở làm việc đã được trang bị từ nhiều năm trước nên hiệu suất sử dụng hạn chế (đã hao mòn hết), do khả năng ngân sách còn hạn chế nên chưa được bố trí kinh phí để trang bị mới, từ đó thường xuyên phát sinh chi phí sửa chữa nhỏ ảnh hưởng đến kết quả tiết kiệm kinh phí của đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ - Ước thực hiện năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gửi Bộ Tài chính theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng KT-NV;
- Lưu:VT,5.04.12.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**